HẠNH TẠNG (Cariyāpiṭaka)

Kinh Tiểu Bộ - Tập 5 (VNC PHVN, 2021)

HẠNH TẠNG (CARIYĀPITAKA)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Chủ giải của tập Cariyāpitaka (Hạnh tạng) có tên là Paramatthadīpañī do công của Ngài Dhammapāla. Tập Chủ giải đã được thực hiện vào khoảng cuối thế kỷ V Tay lịch. ' Tập Cariyāpitaka có tựa đề nêu bật được nội dung chứa đựng ở bên trong. Cụ thể tập này trình bày về 35 câu chuyện các tiền thân của đức Bồ-tát đã chuyên tâm thực hành các đức hạnh đê đạt đên sự toàn hảo (pãramitã) của các đức hạnh ấy trong thời gian bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp nhằm làm chín muôi quả vị Giác ngộ. Nói vê mười sự toàn hảo này, các dịch giả tiên bôi đã dịch là mười pháp ba-la-mật hay thập độ. Điều đáng ngạc nhiên trong tập : y " r r này là chỉ có bảy sự toàn hảo được đê cập đên thay vì mười, và sô lượng các câu chuyện cho mỗi đức hạnh lại không thống nhất, không rõ do bị thất thoát trong việc truyền thừa hay là việc thực hiện tập này chưa được hoàn tất. Sở dĩ chúng tôi có nhận xét như vậy vì tập này được chia làm ba chương: Chương I nói về bố thí có 10 chuyện, chương II nói về trì giới có 10 chuyện, và chương III bao gôm 15 chuyện còn lại, xuất ly 5 chuyện, quyêt đinh l chuyện, chân thật 6 chuyện, từ ái 2 chuyện và hành xả l chuyện. Muôn tìm hiêu rõ hơn vê điểm này, chúng ta có the tham khảo chương Pakinnakakathā thuộc Chủ giải của tập Cariyāpitaka này, vì có giảng đầy đủ về mười đức hạnh đồng thời có đầy đủ những chi tiết liên quan đến vị mong mỏi việc thực hành hạnh nguyện Bo-tát(Q?^. 276-332). * Xét về hình thức, tập Cariyāpitaka được thực hiện dựa theo lối trường thi (tương tợ như thể Mahākāvya của ngôn ngữ Sanskrit) gồm nhiều câu kệ (gāthā) hợp thành. Mỗi câu kệ được ghi thành 2 dòng và được chia làm 4 pãda\ thông thường mỗi câu kệ như vậy là một câu văn hoàn chỉnh ve phương diện văn phạm. về khía cạnh dịch thuật, cũng có một số điểm cần được nêu lên như sau: Vê các thì của động từ, trong nguyên tác có nhiêu hành động ở vào thời quá khứ nhưng lại được trình bày ở thì hiện tại và một vài hành động ở vào thời vị lai lại được trình bày ở thì quá khứ. Chúng tôi ghi lại các thì theo sát văn bản nghĩ răng những diêm này dê dàng nhận diện qua ngữ cảnh và không làm xáo trộn ý nghĩa. Bản tiếng Việt chúng tôi đã được phiên dịch trực tiếp từ nguyên bản PãỊi. Một số từ dịch đã được dựa theo lời giải thích ở bản Chú giải Pali là Paramatthadĩparã. Tuy có tham khảo bản dịch tiếng Anh của cô L B. Homer và

bản dịch tiếng Sinhala ở Tam tạng song ngữ của nước Sri Lanka nhưng lời dịch Việt này được ghi lại theo sự xét đoán của chúng tôi và không thể hiện quan điểm của bản dịch nói trên. Chúng tôi ghi lại lời dịch Việt theo tinh thần "hiểu văn bản như thế nào thì cố gắng ghi lại đúng như thế y" Đối với các bản văn cổ, chúng tôi không có tham vọng vươn đến các tiêu chuẩn phiên dịch cao hơn. Các sự sai sót trong phiên dịch đương nhiên không thể tránh khỏi, chúng tôi xin chiu hoàn toàn trách nhiệm về trình độ yếu kém. Cuối cùng, ngưỡng mong phước báu phát sanh trong công việc soạn thảo

và ấn tổng tập này được thành tựu đến tất cả chúng sanh. Nguyện cho hết thảy đều được an vui, sức khỏe, có trí tuệ và tinh tấn tu tập ngõ hầu thành đạt cứu cánh giải thoát, chấm dứt khổ đau.

Kính bút,
Đêm rằm tháng Bảy
Ngày 08 tháng 8 năm 2006
Tỳ-khưu Indacanda (Trương Đình Dũng)
L Sự TOÀN HẢO VỀ BỒ THÍ (PÂNAPẢRAMITẦ)

1. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] AKITTI (Akittìcaríyam)ỵ 1. Các hạnh nào được thực hành trong khoảng thời gian này,12 [tức là] bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp, tất cả các hạnh ấy là điều kiện làm cho chín muồi quả vị giác ngộ. 2. Trừ ra các hạnh đã được thực hành trong kiếp quá khứ thuộc đời này hoặc đời khác, Ta sẽ nói đen hạnh đã được thực hiện trong kiếp này, ngươi hãy lắng nghe.3 3 Lúc bấy giờ, Ta là vi đạo sĩ khổ hạnh tên Akitti. Ta đã đi sâu vào và cư ngụ ở khu rừng rậm, hoang vắng, là lâm viên có nhiều cây. 4. Khi ấy, Chúa của chư thiên Sakkā4 bị nóng bức5 bởi năng lực khổ hạnh của Ta nên đã đi đến gần Ta để xin vật thực trong dáng vóc vị Bà-la-môn. 5. Nhìn thấy [vi ấy] đứng ở cánh cửa [căn choi lá] của Ta, Ta đã bày ra chỉ có một tô lá cây đã được gió gom lại, không có dầu và cũng không có muối.6 6. Sau khi bố thí lá cây đến vi này, Ta đã lật úp cái tô lại, từ bỏ việc tìm kiếm [thức ăn] một lần nữa và đã đi vào căn chòi lá. 7. Lần thứ nhì, rồi lần thứ ba, vi ấy cũng đã đi đến gặp Ta. Không dao động, không dính mắc, Ta đã bố thí như hai lần trước. 8. [Nhưng] không vì nguyên nhân ấy mà thân thể của Ta trở nên tiều tụy, Ta đã trải qua ngày hôm ấy với niềm phỉ lạc và hứng thú. 9. Nếu như Ta có được một vị xứng đáng để cúng dường thì Ta có thể dâng cúng vật thí tối thượng luôn cả một tháng, hai tháng mà không dao động, không lưỡng lự. 10. Trong khi bố thí phẩm vật cho vị ấy, Ta đã không mong cầu danh và lợi. Ta đã thực hiện những hành động ây trong khi ước mong phàm vị Toàn tri. ^Hạnh của [đức Bồ-tátl AkittP là phần thứniiất.

1 Bổn sanh “An sĩ Akitti,, (Akittijātakam), số 480, TTP v, tập 32. (ND) 2 Ettha carỉtantì cariyã'. ở đây, điều đã được thực hành là hạnh (CpẤ. 17). 3 Đức Phật đang giảng giải cho Ngài Sāriputta (Xá-lợi-phất) (CpA. 20). 4 Tidivãdhibhũ là Chúa cõi trời Tidivâ, tức là côi Tāvatimsa (Đạo-lợi) (CpA. 24). 5 Bị oi bức do hơi nóng phát ra ở tảng đá ngồi có phủ gấm vàng của vị ấy (CpA. 24). 6 Mô tả tính chất bố thí bất cứ vật gì thuộc về bản thân không phân biệt (CpA. 24). Như vậy, lúc này, đức Bồ-tát chỉ sử dụng lá cây ở trong rừng để làm thức ăn.

2. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SAÑKHA (Sañkhacariyam)1 11. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là vi Bà-la-môn tên gọi Sañkha. Có ý định băng qua đại dương, Ta đã đi đến bến tàu. 12. Tại nơi ấy, Ta đã nhìn thấy ở phía bên kia đường một vị Phật Độc Giác, là bậc không bị kẻ khác hàng phục, đang đi ở con đường xa vắng, trên mặt đất gồ ghề, nóng bỏng. 13. Sau khi nhìn thấy vi ấy ở phía bên kia đường, Ta đã suy xét về sự việc

này: “Bây là phước điền đã được thành tựu đến cho người mong cầu phước báu." 14. Cũng giốnẹ như người nông phu nhìn thấy thửa ruộng có triển vọng thu hoạch lớn, nẹười ây không gieo hạt giống ở nơi ấy [nghĩa là] người ấy không có nhu cầu vê thóc lúa. 15. Tương tợ như thê, là người có mong câu vê phước báu, sau khi nhìn thấy phước điền cao quý tối thượng, nếu Ta không thể hiện hành động ở phước điền ấy thì Ta không phải là người mong cầu về phước báu. 16. Giông như vị quan đại thân mong muôn có uy quyên đôi với những người trong cung mà không ban cho những người ấy tài sản và thóc gạo thì sẽ bị suy giảm về uy quyền. 17. Tương tợ như thế, là người có mong cầu về phước báu, sau khi nhìn thấy bậc cao thượng xứng đáng để cúng dường, nếu Ta không dâng cúng vật thí đến vị ấy thì Ta sẽ bị suy giảm về phước báu. 18. Sau khi suy nghĩ như thế, Ta đã cởi ra đôi dép, rồi đảnh lễ ở hai bàn chân của vị ấy và đã cúng dường dù và dép. 19. Mặc dầu Ta có cơ thể mảnh mai và được nuôi dưỡng cẩn thận gấp trăm lần so với vị ấy, tuy nhiên trong khi làm tròn đủ hạnh bố thí, Ta cũng đã cúng dường đến vị ây như thế. 46Hạnh của [đức Bồ-tát] Sahkha” là phần thứ nhì.

3. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] KURUDHAMMA (Kurudhammacarỉyamỷ 20. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là vị vua tên Dhanañjaya ở tại kinh thành Indapattha và được thuần thục về mười thiện nghiệp. 21. Những người Bà-la-môn từ lãnh thổ vương quốc Kaliñga đã đi đến gặp Ta. Họ đã cầu xin Ta con long tượng được xem là biêu hiện của sự thịnh vượng và may mắn. • r 22. [Họ đã nói răng:] "Xứ sở chúng tôi khôn^ có mưa, thức ăn hiêm hoi, đói kém tram trọng. Xin Ngài hãy ban cho con hắc long tượng cao quý có tên là Añjana.,,

7 Bổn sanh uBà-la-môn Sahkha” (Sañkhajātakam), số 442, TTPV, tập 32. (ND) 8 Bổn sanh uTập quán xứ Kuru" (Kurudhammajātakam), số 276, TTPV, tập 32. (ND)

23. [Ta nghĩ rằng:] "Đối với Ta, khi có được người cầu xin thì sự từ chối là điều không đúng đắn. Sự thọ trì của Ta chớ có bi đổ vỡ. Ta sẽ bố thí con voi vĩ dại.” 24. Sau khi nắm lấy con voi ở chiếc ngà và rưới nước từ chiếc bình làm bằng ngọc quý lên bàn tay, Ta đã cho con voi đến các vị Bà-la-môn. 25. Khi con voi ấy đã được cho đi, các quan đại thần đã nói điều này: "Sao Ngài lại cho con voi quý báu của Ngài đến những kẻ cầu xin? 26. Con voi là tối ưu trong việc chiến thắng ở trận tiền, được thành tựu sự thịnh vượng và may man. Khi con voi ấy đã được cho đi thì cái gì sẽ vận hành vương quốc của Ngài?" 27. Ta có thể bố thí luôn cả toàn bộ vương quốc của Ta. Ta có thể bố thí cả thân mạng của mình. Đối với Ta, quả vị Toàn tri là yêu quý; vì thế Ta đã bố thí con long tượng. “Hgnh của [đức Bồ-tát] Kurudhamma" là phần thứ ba.

4. HẠNH CỦA [ĐỨC BÒ-TÁT] MAHÃSUDASSANA (Mahãsudassanacaríyamỷ 28. Khi ở ứiành phố Kusāvatī, Ta đã là vi Lãnh Chúa, đấng Chuyển Luân Vương có quyền lực lớn lao tên Mahâsudassana. 29. Tại thành phố ấy, Ta đã cho thông báo ba lần trong ngày ở khắp các nơi rằng: "Ai muốn [hoặc] mong mỏi vật gì? Của cải gì nên được ban phát? [Ban phát] đến ai? 30. Ai đói? Ai khát? Ai [cần] vòng hoa? Ai [cần] dầu thoa? Có các loại vải vóc đủ màu, ai trần truồng thì sẽ mặc vào? 31. Ai đi đường cần đến dù? Ai [cần đến]

giày dép mềm mại, đẹp đẽT' Ta đã cho thông báo sáng chiều ở khắp các nơi như thế. 32. Của cải ấy đã được chuẩn bị cho những người cầu xin không phải chỉ ở mười địa điểm, hoặc ở một trăm địa điểm, mà ở hàng trăm địa điểm. 33. Nếu có người nghèo khổ đi đến cho dù ban ngày hoặc ban đêm, họ đều được nhận lãnh tài sản theo như ý thích rồi ra đi với hai tay tràn đầy của cải. 34. Ta đã bố thí những phẩm vật lớn lao có hình thức như thế cho đến trọn đời. Ta cho ra của cải không phải là vì không thích ý, cũng không phải là vì Ta không có chỗ để cất giữ. 35. Cũng giống như người bị bệnh, sau khi làm hài lòng vị thầy thuốc với vàng bạc cho việc chữa lành căn bệnh, thì [sẽ] được hoàn toàn thoát khỏi căn bệnh. 36. Tương tợ y như thế, khi biết được [điều ấy], để làm viên mãn [pháp bố

9 D. II. 170, Kình Đại Thiện Kiến Vương {Mahāsudassanasuttaṃ sổ 17; Bổn sanh "Vua Mahāsudassana,, (Mahāsudassanajātakam}^ số 95, TTPV, tập 32. (ND)

thí] không bị thiếu sót và làm cho đầy đủ tâm ý còn khiếm khuyết, Ta đã ban phát vật thí cho những người cầu xin, không luyến tiếc, không mong mỏi sự đền đáp nhằm thành tựu quả vị Toàn giác. “Hnh của [đức Bồ-tát] Mahāsudassanaṃ là phần thứ tư.

5. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] MAHẢGOVINDA (Mahāgovindacariyam)[() 37. Vào một thời điểm khác nữa, khi là Bà-la-môn Mahâgovinda, Ta đã là viên quan tế tự của bảy vị vua và được các đấng quân vương cung phụng. 38. Khi ấy, phẩm vật ở trong bảy vương quốc đã là của Ta. Với phẩm vật ấy Ta đã ban phát cuộc đại thí, tợ như biển cả không bi xáo động. 39. Không phải là của cải và lúa gạo là không được vừa ý đối với Ta và cũng không phải là ở nơi Ta không có sự tích trữ. Quả vị giác ngộ đối với Ta rất là cao quý, do đó Ta bố thí tài sản quý giá. wHạnh của [đức Bồ-tát] Mahāgovindaṃ là phần thứ năm.

6. HẠNH CỦA ĐỨC VUA NIMI (Nimirũịacaríyam)n 40. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là vị đại vương tên Nimi, là bậc trí tuệ và là người tầm cầu thiện pháp ở tại kinh thành Mithilā. 41. Khi ấy5 Ta đã cho thực hiện bốn sảnh đường, [mỗi sảnh đường] có bốn cổng ra vào [ở bốn hướng chính], ở tại nơi ấy, Ta đã cho tiến hành việc bố thí đến các thú vật, chim chóc, loài người, v.v... 42. Ta đã thực hiện không ngừng nghỉ (ngày đêm không gián đoạn đến lúc dứt tuổi thọ)10 và đã cho tiến hành cuộc đại thí [gồm có] y phục, giường ghế, 1213 11 cơm ăn? nước uống và thực phẩm [các loại]. 43. Cũng giống như người đầy tớ, vì lý do lươĩiậ bổng, tiếp cận chủ nhân và suy tầm cách làm hài lòng băng thân, khâu, ý (băng hành động, lời nói và tư tưởng). 44. Tương tợ y như thê, trong tát cả mọi kiêp sông Ta cũng sẽ tâm câu việc làm sanh khởi sự giác ngộ. Sau khi làm thỏa mãn các chúng sanh với vật bo thí, Ta mong cầu quả vị giác ngộ tối thượng. í6Hạnh của đức Vua Nimi” là phần thứ sáu.

7. HẠNH CỦA HOÀNG TỬ CANDA (Candakumāracariyamy3 45. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là vị hoàng tử tên Canda, con trai của Ekarāja, ở tại thành phố Pupphavatī.

10 So sánh với D. II. 220, Kinh Đại Điển Tôn (Mahāgovindasuttam), số 19. 11 Bổn sanh "Dức Vua (Nimijātakarn), số 5417T*, tập 34. (ND) 12 CpA. 54. 13 Bồn sanh "Quan Te tự Khandahãla,, (Khandahālajātakam), số 542, TTP v, tập 34. (ND)

46. Khi ấy, Ta đã được thoát khỏi cuộc tế thần và đã rời khỏi khu vực cuộc lễ tế. Sau khi đã tạo nên niềm xúc động, Ta đã tiến hành cuộc đại thí. 47. [Khi] không được bố thí đến những người xứng dáng sự bố thí, Ta không uống, không ăn, cũng không thọ dụng vật thực, thậm chí đên năm sáu đêm. 48. Cũng giông như người thương buôn sau khi đã tích trữ hàng hóa thì sẽ đem hàng hóa ấy đến nơi nào có nhiều lợi nhuận, 49. Tương tợ y như thế, ngay cả việc bố thí đến người khác vật đã được thọ dụng bởi bản thân cũng có quả báo lớn; vì thế nên bố thí đến tha nhân, sẽ có được [kết quả] gấp trăm lần. 50. Biết được năng lực của chân lý ấy, Ta đã ban phát vật bố thí kiếp này đến kiếp khác. Ta không suy giảm việc bố thí nhằm thành tựu quả vị Toàn giác. uHạnh của Hoàng tử Canda" là phần thứ bảy.

8. HẠNH CỦA ĐỨC VUA SIVI (Sivirāḷacarìyam)14 51. ở tại thành phố có tên gọi là Arittha, Ta đã là vị Sát-đế-lỵ tên Sivi. Vào lúc ngồi ở tòa lâu đài quý báu, Ta đã suy nghĩ như vầy: 52. "Không có bất cứ vật thí nao thuộc về nhân loại mà Ta chưa từng bố thí. Thậm chí người nào yêu cầu Ta về con mắt thì Ta cũng có thể bố thí, không bị dao động?5 53. Biết được tâm tư của Ta, vị Chúa trời Sakkā ngồi ở giữa tập thể chư thiên đã nói lên lời này: 54. "Dức Vua Sivi có đại oai lực trong khi ngồi ở tòa lâu đài quý báu suy nghĩ về vật bố thí đủ các loại, vị ấy không nhìn thấy vật chưa từng được bố thí. 55. Điều này là đúng hay không đúng sự thật? Vậy hãy để Ta thử thách vị ấy. Các người hãy chờ một chốc lát đến khi Ta biết được tâm ý ấy." 56. Sau khi biến thành dáng vóc người mù lòa, đang run rẩy, có đầu tóc bạc phơ, cơ thể nhăn nheo, già yếu, bệnh hoạn, [Chúa trời Sakkā] đã đi đến gặp đức vua. 57. Khi ây, ông ta đã giơ cánh tay trái và cánh tay phải lên chăp lại ở dâu, rồi đã nói lời này: 58. "Tâu Đại vương, tôi câu xin ngài. Oi, vị làm tiên triên vương quôc vê phương diện đạo đức, danh tiếng của ngài về sự hoan hỷ trong bố thí đã vang khắp chốn nhân thiên. 59. Cả hai con mắt dẫn đường của tôi bị mù lòa, hư hỏng. Hãy bố thí cho tôi một con mắt, ngài cũng hãy còn sống với một con mắt vay." 60. Nghe được lời nói của người ấy, Ta đã mừng r&, có tâm trí phấn chấn. Tràn ngập niềm phấn khởi, Ta đã chắp tay lại rồi đã nói lời này:

14 Bổn sanh í4Đức Vua Sivi" (Sivijātakam), số 499, TTPV, tập 33. (ND)

61. ULÚC này đây, sau khi suy nghĩ trẫm đã rời tòa lâu đài đi đến nơi đây. Còn ngươi, sau khi biêt được tâm của trâm đã đi đên đê câu xin con mát. 62. Oi, ý định của Ta đã được thành tựu, điêu ước mong đã được vẹn toàn! Hôm nay, Ta sẽ ban cho người hành khất tặng vật cao quý chưa từng được bố thí trước đây. 63. Này Sĩvaka,15 hãy lại gan. Hãy mạnh dạn lên, đừng chần chờ, chớ có run rẩy. Hãy móc ra cả hai con mắt và trao cho người cầu thinh." 64. Sau đó, bi Ta thúc giục, vị Sĩvaka ấy là người thi hành mệnh lệnh đã lấy ra [hai con mắt] giống như nạo cơm dừa, roi đã trao cho người hành khất. 65. Trong khi chuẩn bị bố thí, khi đang bố thí, khi tặng vật đã được Ta bố thí, tâm không có thay đổi với lý do chỉ là vì quả vị Giác ngộ. 66. Hai con mắt không có bi Ta ghét bỏ, bản thân không có bị Ta ghét bỏ, đối với Ta, quả vi Toàn giác là yêu quý; vì thế

Ta đã bố thí con mắt. uHạnh của đức Vua Sivi" là phần thứ tám.

9. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] VESSANTARA (Vessantaracariyamy 6 67. Người mẹ ruột của Ta là nữ nhân dòng Sát-đế-lỵ tên Phusati. Bà ấy là hoàng hậu yêu quý của [Chúa trời] Sakkā vào những kiếp sông trước.17 68. Nhìn thấy sự dứt tuổi thọ của bà ấy, vị Chúa trời đã nói điều này: "Này Quý phi, trẫm ban cho khanh mười điều ân huệ, hãy chọn lựa theo như ý thích.” 69. Và khi được nói như vậy, bà Hoàng hậu ấy đã đáp lại [Chúa trời] Sakkā điều này: 'Thiếp có lỗi lầm gì vậy? Phải chăng thiếp bi ngài ghét bỏ khiến ngài lưu đày thiếp khỏi chốn bồng lai như là ngọn gió thôi trốc góc cây vay?" 70. Và khi được nói như vậy, vị [Chúa trời] Sakkā ấy đã đáp lại bà ta điều này: "Chẳng phải khanh đã làm điều sai trái và cũng chẳng phải là ta không yêu quý khanh. 71. Sở dĩ như thế ấy chính là vì tuổi thọ của khanh, thời điểm tử vong sắp đến. Hãy tiếp nhận mười điều ân huệ quý báu tối cao đã được trẫm ban thưởng.,, 72. Với mười điều ân huệ được [Chúa trời] Sakkā ban thưởng, bà Phusati ấy, hớn hở, mừng rỡ, vui sướng, đã lựa chọn mười điều ân huệ sau khi đã tính gộp luôn cả Ta [vào các điều ân huệ ấy]. 73. Mệnh chung từ nơi đó, bà Phusati ấy đã sanh vào dòng dõi Sát-đế-lỵ ở thành phố Jetuttara và đã kết hôn với Sañjaya. 74. Khi ấy, Ta đã hạ sanh vào lòng bà Phusati, người mẹ yêu quý. Do nhờ oai lực của Ta, người mẹ của Ta đã luôn luôn hứng thú trong việc bố thí. 75. Bà bố thí cho những người không có tài sản, người không có của cải,

15 Sĩvaka là tên vị ngự y của đức Vua Sivi (CpA. 66). 16 Bổn sanh "Vessantara vĩ dại” (Mahāvessantarajātakani), sổ 547, TTP v, tập 34. (ND) 17 Chủ giải ghi rằng: Vào kiếp sống quá khứ liền trước đó (CpA. 74).

người bệnh hoạn, người già cả, người ăn xin, người đi đường, các vi Sa-môn, các Bà-la-môn và những người bị khánh tận. 76. Sau khi mang thai Ta được mười tháng, bà Phusati trong lúc đang đi quanh thành phố đã sanh Ta ở giữa đường phố của những người thương buôn. r r 77. Tên của Ta không liên quan đên họ mẹ, cũng không xuất phát từ họ cha. Ta đã được sanh ra ở đường phô của những người thương buôn, vì thê Ta đã là Vèssantara. 78. Đen khi Ta đã trở thành đứa bé trai được tám tuổi tính từ lúc sanh, khi ấy Ta đã ngồi ở tòa lâu đài và đã suy nghĩ về việc bố thí tăng vật. 79. Ta có tìiể bố thí tim, mắt, luôn cả thịt và máu của mình. Ta đã thông báo là Ta có thể bố thí xác thân của mình nếu có người van xin. 80. Trong khi Ta đang suy xét về bản tánh không dao động không hẹp hòi, tại nơi ấy trái đất với tràng hoa là khu rừng ở núi Sineru đã rung động. 81. Mỗi nửa tháng, vào ngày mười lăm và ngày cuối tháng là ngày trai giới, Ta đã cưỡi lên con voi Paccayā và đã đi đến để bố thí tặng phẩm. 82. Những người Bà-la-môn từ lãnh thổ vương quốc Kaliñga đã đi đến gặp Ta. Họ đã cầu xin Ta con long tượng được xem là biểu hiện của sự thịnh vượng và may mắn: 83. "Xứ sở chúng tôi không có mưa, thức ăn hiếm hoi, đói kém trầm trọng. Xin ngài hãy ban cho con long tượng cao quý, toàn màu trắng, tối thắng của loài voi." 84. Ta bố thí điều mà những người Bà-la-môn yêu cầu Ta; Ta không rung động. Ta không thu giấu vật đang sở hữu. Tâm ý của Ta hoan hỷ trong việc bố thí. 85. [Nghĩ rằng:] "Đối với Ta, khi có được người cầu xin thì sự từ chối là điều không đúng đắn. Sự thọ trì của Ta chớ có bị đổ vỡ. Ta sẽ

bố thí con voi vĩ dại.” 86. Sau khi năm lây con voi ở chiêc ngà và rưới nước từ chiêc bình làm bằng ngọc quý lên bàn tay, Ta đã cho con voi đến các vị Bà-la-môn. 87. Lại một lần nữa, trong khi Ta đang bố thí con voi tối thắng toàn màu trắng, khi ấy trái đất với tràng hoa là khu rừng ở núi Sineru cũng đã rúng động. 88. Do việc bố thí con voi ấy, những người dân xứ Sivi giận dữ đã tụ họp lại và đã trục xuất [Ta] ra khỏi vương quôc của Ta, [nói răng:] "Hãy cho ông ta đi đến ngọn núi Vahka." 89. Trong khi bọn họ xua đuổi, Ta đã yêu cầu một ân huệ để tiến hành cuộc đại thí, không dao động, không hẹp hòi. 90. Khi được yêu cầu, tất cả những người dân xứ Sivi đã ban cho Ta một ân huệ. Sau khi cho vô kêu hai chiêc trông lớn, Ta đã trao tặng món quà vĩ đại.

91. Lúc bây giờ, tại nơi ây có âm thanh âm ĩ, ôn ào, ghê rợn vang lên. Bởi sự bố thí [này], họ đã lôi kéo Ta đi; một lần nữa Ta đã trao tặng món quà vĩ đại. 92. Sau khi đã bo thí voi, ngựa, xe cộ, tôi trai, tớ gái, trâu bò, của cải và đã ban phát cuộc đại thí, vào khi ấy Ta đã rời khỏi thành phố. 93. Sau khi rời khỏi thành phố, Ta đã quay người lại quan sát, khi ấy trái đất với tràng hoa là khu rừng ở núi Sineru cũng đã rúng động. 94. Sau khi bố thí cỗ xe bốn ngựa kéo, Ta đứng ở ngã tư đường, chỉ một mình không người hầu cận, và Ta đã nói với Hoàng hậu Maddĩ điều này: 95. "Này Maddĩ, nàng hãy ẵm Kanhā[jinā], con bé nhẹ và là em gái. Ta sẽ ẵm Jāli bởi vì nó nặng và là arửi trai.” 96. Maddĩ đã ôm lấy Kanhājinā như thể ôm lấy đóa sen xanh hoặc đóa sen trắng. Ta đã ôm lấy vị Sát-đế-lỵ Jāli như thể ôm lấy bầu đựng nước bằng vàng. 97. Bốn người Sát-đế-ly, dònệ dõi quý tộc, có vóc dáng mảnh mai, tiến bước trên mặt đất lúc gô ghê lúc băng phăng đi vê hướng ngọn núi Vañka. 98. Chúng tôi đã hỏi những người đi cùng đường hoặc theo hướng ngược lại về lộ trình: “Ngon núi Vañka ở nơi nào?” 99. Nhìn thấy chúng tôi ở nơi ấy, họ đã thốt lên lời thương xót. Họ bày tỏ nỗi đau xót [nói rằng]: "Ngọn núi Vañka ở xa lắm.” 100. Nêu hai đứa trẻ nhìn thây những cây có trái ở trong khu rừng, hai đứa trẻ bật khóc vì nguyên nhân của những trái cây ấy. 101. Trông thây hai đứa trẻ khóc lóc, những cội cây cao lớn xum xuê tự động khom mình xuống đến gần hai đứa trẻ. 102. Sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu phi thường khiến lông tóc rởn ốc này, [Hoàng hậu] Maddĩ, với sự rạng rỡ ở toàn thân, đã thốt lên lời tấn thán [rằng]: 103. "Quả thật là điều kỳ diệu phi thương ở thế gian khiến lông tóc rởn ốc. Những cội cây đã tự động khom mình xuống bởi vì oai lực của Vessantara.,ls 104. Vì lòng thương xót hai đứa trẻ, các hàng dạ-xoa đã thâu ngăn đường đi; chỉ nội trong ngày khởi hành họ đã đi đến vương quốc Ceta. 105. Lúc bấy giờ, có sáu mươi nệàn vị vua cư ngụ ở Mãtulã.18 19 Tất cả đã chăp tay lên, than khóc và đã đi đên gân. 106. ở tại nơi ấy, sau khi trao đổi trò chuyện cùng với các vi vương tử xứ Ceta ấy, rồi từ đó bôn người đã đi đến ngọn núi Vañka. 107. Chúa trời đã triệu tập vị Vissakamma có đại thần lực [ra lệnh rằng]: “Khanh hãy khéo biến hóa ra một khu ẩn cư được xây dựng tốt đẹp có gian nhà lá xinh xắn." 108. Nghe theo lời của [Chúa trời] Sakkā, vi Vissakamma có đại thần lực đã khéo biến hóa ra một khu ẩn cư được xây dựng tốt đẹp có gian nhà lá xinh xắn.

18 Do nhờ năng lực phước báu của Vessantara (CpA. 87). 19 Mātulā là tên của một thành phố thuộc vương quốc Ceta (CpA. 87).

109. Sau khi đã đi sâu vào khu rừng có ít tiếng động không có xáo trộn, bốn người chúng tôi đã sống ở tại nơi ấy, phía bên trong ngọn núi. 110. Khi ấy, Ta và Hoàng hậu Maddī cùnệ với hai con là Jāli và Kanhājinā đã sông ở khu ân cư giúp nhau xóa tan nỗi niêm sâu muộn. 111. Trong khi chăm nom hai đứa trẻ, Ta không có đơn độc ở khu ẩn cư. Nàng Maddī mang về trái cây; nàng ấy nuôi dưỡng ba người. 112. Khi Ta đang sống ở trong khu rừng, có người khách đi đường đã đến gặp Ta và đã câu xin cả hai người con của Ta là Jāli và Kanhājinā. 113. Khi trông thấy người cầu xin đi đến gần, sự mừng rở đã sanh khởi ở Ta. Khi ấy, Ta đã dắt cả hai người con và đã trao tặng cho vị Bà-la-môn. 114. Khi Ta dứt bỏ hai người con của chính bản thân cho vị Bà-la-môn Jujaka, khi ấy trái đất với tràng hoa là khu rừng ở núi Sineru cũng đã rúng động. 115. Hơn thế nữa, [Chúa trời] Sakkā, sau khi ngự xuống với dáng vóc vị Bà- la-môn, đã cầu xin Ta Hoàng hậu Maddī là người vợ có giới hạnh và chung thủy. 116. Sau khi nắm lấy nàng Maddī ở cánh tay và làm đầy hai bàn tay bụm lại với nước, Ta đã ban bố nàng Maddī cho vị ấy với tâm ý và tư duy hoan hỷ. 117. Khi nàng Maddī đang được bố thí, chư thiên ở cõi trời đã mừng rỡ. Khi ấy, trái đất với tràng hoa là khu rừng ở núi Sineru cũng đã rúng động. 118. Trong khi dứt bỏ [người con trai] Jāli, người con gái Kanhājinā, và Hoàng hậu Maddī, người vợ chung thủy, Ta đã không phải nghĩ ngợi với lý do chỉ là vì quả vị Giác ngộ. 119. Cả hai người con không có bi Ta ghét bỏ? Hoàng hậu Maddī không có bị Ta ghét bỏ, đối với Ta, quả vị Toàn giác là yêu quý; vì thế Ta đã bố thí những người thân yêu. 120. Vào một dịp khác nữa, khi hội ngộ cùng cha mẹ ở tại khu rừng bao la, trong khi bọn họ đang than khóc bi thảm nói về nỗi niềm hạnh phúc và khổ đau. 121. Do sự tôn kính, Ta đã đến gặp song thân với sự hổ thẹn và ái ngại. Khi ấy, trái đất với tràng hoa là khu rừng ở núi Sineru cũng đã rung động. 122. Vào một dịp khác nữa, Ta cùng với thân quyến đã lìa khỏi khu rừng bao la và đi vào thành phố tráng lệ là kinh thành Jetuttara. 123. Khi ấy, bảy loại châu báu đã đổ xuống cơn mưa, có đám mây lớn đã đổ tuôn mưa. Lúc bấy giờ, trái đất với tràng hoa là khu rừng ở núi Sineru cũng đã rúng động. 124. Ngay cả trái đất vô tư này không nhận thức được nỗi niềm hạnh phúc và khô dàu, nó cũng đã rung chuyên bảy lần bởi vì năng lực bố thí của Ta. wHạnh của [dức Bồ-tát] Vessantara^ là phần thứ chín.

10. HẠNH CỦA CON THỎ HIỀN TRÍ (Sasapanditacariyam) 125. Vào một thời diêm khác nữa, khi Ta là con thỏ lang thang ở trong

rừng, có thức ăn là cỏ, lá cây, rau cải và quả củ. Ta lánh xa việc hãm hại các kẻ khác. 126. Lúc bay giờ, có một con khỉ, một con chó rừng, một con rái cá nhỏ, và Ta sống trong cùng một khu vực, gặp gỡ nhau sáng chiều. 127. Ta giảng dạy cho chúng vê các hành động lành dữ: "Các ngươi hãy xa lìa các điều ác, các ngươi hãy gắn bó với các việc thiên.” 128. Sau khi nhìn thấy mặt trăng đã tròn vào ngày trai giới, tại nơi ấy Ta đã chỉ bảo chúng rang: "Hôm nay là ngày trai giới?5 129. Các ngươd hãy chuẩn bi những tặng phẩm để bố thí đến bậc xứng đáng được dâng cúng. Sau khi đã bố thí tặng phẩm đến bậc xứng đáng được dâng cúng, các ngươi hãy thực hành ngày trai gi&i.” 130. Chúng đã

nói với Ta rằng: "Sādhu, lanh thay!" Rồi tùy theo khả năng, tùy theo sức lực, sau khi chuẩn bị các tặng phẩm chúng đã đi tìm bậc xứng đáng được dâng Cling. 131. Ta đã ngôi xuống và suy nghĩ vê tặng phàm thích hợp với bậc xứng đáng được dâng cúng: "Nếu Ta đạt được một bậc xứng đáng được dâng cúng thì tặng phẩm của Ta sẽ là gì? 132. Ta không có mè, đậu xanh, đậu tây, gạo hay bơ. Ta sông băng cỏ nhưng bố thí cỏ là không thể duqc.” 133. Nếu có người là bậc xứng đáng được dâng cúng đi đến nơi Ta để khất thực, Ta sẽ cúng dường bản thân của mình; người ấy sẽ không [phải] ra đi mà không có gì. 134. Biết được ý định của Ta, [Chúa trời] Sakkā với dáng vóc của vị Ba-la-môn đã đi đến chỗ ngụ của Ta nhằm việc xác định việc bố thí của Ta. 135. Khi nhìn thấy vi ấy, Ta đã hớn hở nói lên điều này: "Quả thật là tốt đẹp về việc ông đã đi đến chỗ tôi vì nguyên nhân thực phẩm. 136. Hôm nay, tôi sẽ biếu ông tặng phẩm cao quý chưa từng được bố thí trước đây. ông là con người thành tựu giới đức nên việc hãm hại kẻ khác là không thích hợp đối với ông. 137. Ông hãy đi đến và đốt lên ngọn lửa. Hãy đem lại nhiều cây củi. Tôi sẽ nướng chín bản thân. Ong sẽ thọ thực vật đã được nâu chín.” 138. Vị ấy, với tâm ý mừng rỡ [nói rằng]: "Sādhu, lành thay!", rồi đã đem lại nhiều cây củi đốt lên đống lửa lớn và đã tạo nên một cụm than hồng. 139. Vị áy đã đót lên ngọn lửa ở tại nơi áy và ngọn lửa áy đã mau chóng trở nên mãnh liệt như thế. Sau khi rủ sạch các chi thể bi lấm bụi/0 Ta đã tiến vào một bên [đống lửa].20

20 Nếu có các chúng sanh ở trong bộ lông thì 64chớ để chúng bị chết,\ [nghĩ thế] ta đã rúng rẩy các phần thân thể đang bị lấm bụi của ta 3 lần ((Ặ4. 106)

140. Khi đống cây củi to lớn đã phát cháy bùng lên mạnh mẽ, Ta đã nhảy lên và rơi vào ở chính giữa ngọn lửa. 141. Giống như bất cứ ai đã đi vào trong làn nước mát lạnh thì được diu đi nỗi bực bội và cơn phiền muộn [của mình] đồng thời làm sanh khởi21 sự hứng thú và phỉ lạc. 142. Tương tợ y như thế, khi Ta đi vào ngọn lửa đang cháy rực, tất cả nỗi bực bội đã được dịu đi, tợ như [đi vào] làn nước mát lạnh vậy. 143. Ta đã bố thí đến vị Bà-la-môn hết thảy toàn bộ thân thể gồm có lớp da ngoài, da trong, thịt, gân, xương và cơ tim. ^Hạnh của con thỏ hiền trí” là phần thứ mười.

144. Bà-la-môn Akitti, Sañkha, Dhañanjaya vua xứ Kuru? đức Vua Mahâsudassana, Bà-la-môn Mahâgovinda. 145. Nimi, Hoàng tử Canda, Sivi, Vèssantara và con thỏ chính là Ta vào lúc bấy giờ, và là người đã bố thí những tặng phẩm cao quý. 146. Những hạnh này là những phần cơ bản của sự bố thí. Những hạnh này là các sự toàn hảo của sự bô thí. Sau khi bô thí mạng sông đên người câu xin, Ta đã làm đầy đủ sự toàn hảo [về bố thí] này. 147. Sau khi nhìn thấy người đi đến gần để khất thực, Ta đã xả bỏ bản thân mình. Không có ai bằng Ta về sự bố thí; đây là sự toàn hảo về bố thí của Ta. Dứt phần sự toàn hảo về bố thí.

21 Deti được giải thích là uppãdetỉ (làm sanh khởi) (CpA. 107).

n. SựTOÀN HẢO VÈ GIỚI (SlLAPẴRAMITẦ)

ỉ. HẠNH CỦA VỊ NUÔI DƯỠNG MẸ (Mātuposakacariyam) 148. Vào lúc Ta là con voi nuôi dưỡng voi mẹ ở trong rừng rậm. Lúc bấy giờ, ở trên trái đất không có người tương đương với Ta về giới đức. 149. Có người đi rừng, sau khi nhìn thấy Ta ở khu rừng rậm, đã thông báo với đức vua răng: "Tâu Đại vương, có con voi được xứng đáng với ngài đang sống ở trong rừng. 150. Không cân phải gây thương tích cho nó? cũng không cân đên cọc trói và hầm hố. Khi được nắm ở vòi của chính nó, tự thân nó sẽ đi đến chỗ nay?5 151. Nghe được lời nói ấy của ông ta, ngay cả đức vua cũng có tâm trí hớn hở và đã phái đi người thuần hóa voi, là bậc thây kinh nghiệm, đã được huấn luyện rành rẽ. 152. Sau khi đi đến, người thuần hóa voi ấy đã nhìn thấy [Ta], ở trong hồ sen, đang nhổ lên rễ và ngó sen nhằm mục đích nuôi dưỡng mẹ. 153. Biết được giới đức của Ta, n^ười này đã xác đinh các đặc điểm và đã nói rằng: “Này con trai, hãy đi đến", roi đã nam chặt cái vòi của Ta. 154. Khi ấy, sức mạnh tự nhiên đồng hành với cơ thể của Ta là tương đương với sức mạnh của một ngàn con voi ngày hôm nay. 155. Nếu Ta nổi cơn giận dữ với những người đã đi đến để bắt Ta, Ta có thừa khả năng đối với bọn họ, thậm chí luôn cả vương quốc của những người ấy nữa. 156. Hơn nữa, vì gìn giữ giới để làm viên mãn sự toàn hảo về giới, Ta không làm thay đôi tâm ý trong khi họ xô đây Ta vào cây cọc trói. 157. Nếu bọn họ có làm tổn thương Ta bằng những cái rìu và những cây thương, Ta cũng chẳng nổi cơn giận dữ đôi với bọn họ vì Ta có nỗi lo sợ bị đứt giai. uHạnh của vi nuôi dưỡng mẹ" là phần thứ nhất.

2. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] BHŨRIDATTA (Bhŭridattacaríyam)22 158. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là Bhũridatta có đại thần lực. Ta đã đi đen cõi trời cùng với vị Đại vương Virũpakkha.23 22 Bổn sanh "Long vương Bhūridatta,, (Bhūridattajātakani), số 543, TTPV, tập 34. (ND) 23 Cõi trời này là cõi trời Tāvatirnsa (Đạo-lợi) và Virũpakkha là một vị thủ lãnh của loài rồng rắn (nãgâdhỉpatĩ) (CpA.

159. Sau khi nhìn thấy chư thiên ở tại nơi ấy được thọ hưởng an lạc trọn vẹn, Ta đã thọ trì giới cấm nhằm mục đích đi đến cõi trời ấy.24 160. Sau khi làm phận sự đối với cơ thể25 và thọ dụng chỉ đủ để nuôi sống, Ta đã quyết định về bốn chi phần [của cơ thể]26 rồi đã nằm ở trên đỉnh của gò mối. 161. Đối với người nào có việc cần dùng đến da ngoài, da trong, thịt, các sợi gân, hoặc các khúc xương [ở cơ thể Ta], chính vì là vật đã được bố thí nên hãy để người ấy mang đi. 162. Khi Ta đang nằm, kẻ vô ơn Âlambana2728 đã nắm lấy Ta ném vào trong giỏ rồi đã bắt Ta làm trò vui ở nơi này nơi khác. 163. Ngay cả trong khi ông ấy ném [Ta] vào giỏ, thậm chí trong khi ông ấy dùng bàn tay đè bẹp [Ta] xuông, Ta không giận dữ đôi với Alambana vì Ta có nỗi lo sợ bị đứt giới. 164. Sự xả bỏ sanh mạng bản thân của Ta là nhẹ hơn cọng cỏ. Sự phá giới đối với Ta tương tợ như việc đảo ngược trái đất. 165. Liên tục một trăm kiêp sông, Ta có thê xả bỏ mạng sông của Ta chứ không thể nào làm đứt giới cho dù là vì nguyên nhân [làm vua cai trị] bốn châu lục. 166. Hơn nữa, vì gìn giữ giới để làm viên mãn sự toàn hảo về giới, Ta không làm thay đổi tâm ý trong khi [Ālambana] ném [Ta] vào trong giỏ. 66Hạnh của [đức Bồ-tát] Bhũridatta^ là phần thứ nhì.

3. HẠNH CỦA CON RỒNG CAMPEYYA (Campeyyanāgacariyam)2S 167. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là Campeyyakā có đại than lực. Vào thời ấy, Ta cũng đã là người nghiêm túc, hành trì giới cấm.29 168. Cũng vào khi ấy, trong khi Ta là người hành pháp đang thực hành ngày trai giới, một người luyện ran đã tóm bắt lấy Ta roi đã bắt Ta làm trò vui ở cong hoàng cung. 169. Gã ây nghĩ vê màu nào, xanh, vàng, hoặc đỏ, còn Ta, trong khi biên đôi theo ý nghĩ của gã ây, trở thành [có màu sác] giông như đã được suy nghĩ [bởi ngươi ấy]. 170. Ta có thể biến đất thành nước và cũng có thể biến nước thành đất.

24 Đi đến bằng phương thức tái sanh (ụppattivasenà) (CpA. 117). 25 Là thực hiện việc chăm sóc cơ thể như rửa mặt, v.v... (CpA. 117). 26 Bốn chi phần của cơ thể là da (ngoài và trong), thịt, gân, xương (CpA. 117), như sẽ được đề cập đến ở câu kế. 27 Câu chuyện được ghi lại ở CpA. 118-22. 28 Bốn sanh uRồng chúa Campeyya,, (Campeyyajātakam), số 506, TTPV, tập 33. (ND) 29 Dhammiko (người nghiêm túc) được giải thích là dhammacārī (người hành pháp) (CpẢ. 126). Ke đó, dhammacârīđược giải thích ỉa "ngươi thực hành thập thiện nghiệp đạo như bố thi, trì giới, v.v... và khòng thực hành điếu sai trái dầu là nhỏ nhen^, (CpA. 129-30).

Nếu Ta nổi giận đối với gã ấy, Ta có thể biến [gã ấy] trở thành tro bụi trong một sát-na.3031 171. Nếu như Ta thể hiện năng lực của tâm, Ta sẽ từ bỏ giới; [và] mục đích tối thượng không được thành tựu đến người từ bỏ giới. 172. Dầu sao đi nữa, hãy để thân xác này bị tan vỡ? hãy để nó bị phân tán ở ngay đây; trong khi bị tan tác giống như bụi phấn, Ta cũng không thể nào làm đưt giới. “Hạnh của con rồng Campeyya” là phần thứ ba.

4. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] CULLABODHI (Cuỉỉabodhicaríyam)3[173. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là Cullabodhi, là người có giới hạnh. Nhìn thấy hiện hữu là nguy hiểm, Ta đã ra đi theo hạnh xuất ly. 174. Ta có người vợ dòng dõi Bà-la-môn có nước da như vàng ròng. Cô ta cũng không mong muốn luân hồi nên đã ra đi theo hạnh xuất ly. 175. Không dính mắc, thân quyến đã lìa, không mong muốn về gia đình, [hay] về đồ chúng, chúng tôi du hành qua làng mạc phố chợ và đã đi đến Bārānasī. 176. ở tại nơi ấy5 chúng tôi đã sống khôn khéo, không cấu kết gia đình, bè đảng. Cả hai đã sống trong khu vườn của đức vua, không bị quấy rầy, ít có tiếng động. 177. Đức vua đã đi đến ngoạn cảnh khu vườn và đã nhìn thấy người nữ Bà-la-môn. Ngài đã đi đến gặp Ta và hỏi rằng: “Nàng ấy là vợ của khanh hay của ai?” 178. Được nói như vậy, Ta đã nói với đức vua lời này: "Nàng ấy không phải là vợ của thần, nàng là người đồng đạo, cùng chung giáo lý?9 179. Bị ái luyến và khát khao nàng ấy, đức vua đã ra lệnh các thuộc hạ bắt giữ rồi dùng sức mạnh để ép buộc đưa nàng vào nội cung. 180. Nàng là người vợ của Ta theo nghi thức chạm vào bát nước, đồng thời xuất gia cùng chung giáo lý. Trong khi nàng bi lôi kéo đưa đi, sự giận dữ đã khởi len ở Ta. 181. Cùng lúc khi cơn giận đã được phát khởi, Ta đã nhớ lại giới cấm. Ngay tại nơi ấy, Ta đã nén lại cơn giận và đã không cho bộc phát lên. 182. Nấu như có ai dùng con dao bén đâm chém người nữ Bà-la-môn ấy, Ta cũng không thê nào làm đứt giới với lý do chỉ là vì quả vị Giác ngộ.

183. Người nữ Bà-la-môn ấy không có bi Ta ghét bỏ, cũng không phải là

30 Người luyện rắn này hành hạ ta vô cùng tàn bạo và không biết thần lực của u. Khi nổi cơn giận dữ, ta đã nghĩ răng:44Vậy thì ta sẽ phô bày thân lực của ta đối với gã này." Cho dầu chỉ là một sự suy xét, nhưng nếu như ta the hiện năng lực cua tâm thì gã ấy đã bị phan tán tương tợ như một ïiắm bụi phấn (Q?/130). - , • —

31 Bốn sanh “Tiểu Giác ngộ?, (Cullabodhyātakam), số 443, TTPV, tập 32. (ND)

sức mạnh của Ta không có. Đối với Ta, quả vị Toàn giác ỉa yêu quý; vì thế Ta sẽ gìn giữ giới hạnh. “Hạnh của [đức Bồ-tát] CuIlabodhP là phần thứ tư.

5. HẠNH CỦA CON TRÂU CHÚA (Mahisarãịacaríyam)32 184. Vào một thời diêm khác nữa, khi Ta là con trâu lang thang ở trong khu rừng rậm, có thân thể phát triển, khỏe mạnh, to lớn, trông thấy phải sợ hãi. 185. Nơi ấy, trong hang động, ở sườn núi dốc, dưới cội cây, [gần] nơi hồ nước, có [các] khu vực rải rác đó đây dành cho loài trâu. 186. Trong khi đi lang thang ở khu rừng rậm, Ta đã nhìn thấy một nơi thuận tiện. Ta đã đi đến nơi ấy, đứng lại, rồi nằm xuống. 187. Rồi có con khỉ đê tiện, thô lỗ, nhanh nhảu đã đi đến nơi ấy và tiểu tiện, đại tiện ở trên lưng, trên trán và lông mày của Ta. 188. Một lần trong ngày, rồi lần thứ hai, lần thứ ba và thậm chí đến lần thứ tư, nó làm Ta bị nhơ bân vào mọi lúc; vì điêu ây? Ta trở nên bực bội. 189. Nhìn thấy sự bực bội của Ta, có con dạ-xoa đã nói với Ta điều này: "Ngươi hãy giết chết cái loài tồi tệ đê tiện ấy bằng các sừng và các móng chân/5 190. Được con dạ-xoa nói như vậy, khi ấy Ta đã nói với con dạ-xoa ấy điều này: "Sao ngươi lại bôi nhọ Ta với cái thây ma đê tiện và thô lỗ? 191. Nếu Ta nổi giận với no, vì điều đó Ta sẽ trở nên tồi tệ hơn, giới của Ta có thể bị đứt và ngươi trí có thể khiển trách Ta. 192. Vả lại, sống mà hổ thẹn thì chết với sự trong sạch là cao quý. Cho dù nguyên nhân là mạng sống, không thể nào Ta lại gây ra sự tổn hại cho kẻ khác? 193. Trong khi suy nghĩ về những người khác là giống như Ta, con khỉ này cũng sẽ hành động như thế. Chính họ sẽ giết chết nó tại nơi ấy, còn Ta thì sẽ có được sự giải thoát này.33 194. Trong khi nhẫn nhịn sự khinh miệt ở những người kém cỏi, trung bình hoặc cao quý, như thế bậc thiện trí đạt được theo như điều đã được mong mỏi bởi tâm ý.34 66Hạnh của con trâu chúaw là phần thứ năm.

6. HẠNH CỦA CON NAI CHÚA RURU (Rurumigarājacariyam)35 195. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là vua của loài nai, có tên là Ruru, có màu lông tợ như vàng nung đỏ? đang chú tâm vào giới hạnh tối cao.

32 Bổn sanh “Con trâu" (Mahisajātakam), số 278, TTPV, tập 32. (ND) 33 Là sự giải thoát khỏi kho đau và sự giết hại sanh mạng (CpA. 143). 34 Là đạt được trí Toàn giác theo như ước muốn. 35 Bổn sanh uNai chúa " (Rurumigạịãtakanì), số 482, TTPV, tập 32. (ND)

196. Ta đã đi đến trú ngụ tại nơi ấy, ở một khu đất xinh xắn, đáng yêu, thanh vắng, không có loài người, bên bờ sông Gañgā3637 thích ý. 197. Khi ây, ở thượng nguôn sông Gañgā, có người đàn ông bi bức bách bởi những chủ nợ nên đã gieo mình xuống dòng

sông Gañgā [nghĩ rằng]: “Ta hoặc là sống hay là chết.,, 198. Trong khi bi cuốn trôi ở dòng nước lớn và kêu la thảm thiết ngày đêm, người ấy trôi ra giữa dòng sông Gañgā. 199. Nghe được tiếng kêu la thảm thiết của người ấy đang than khóc, Ta đã đứng ở bờ sông Gañgā hỏi rằng: "ông là người nào?" 200. Và khi được Ta hỏi, người ấy đã giải thích hành động của mình: uSợ hãi những người chủ nợ, bị hoảng hốt, tôi đã lao mình xuống dòng sông lớn." 201. Khởi tâm thương xót người ấy, Ta đã buông bỏ mạng sống của mình, lao vào [dòng nước], và đã vớt người ấy lên trong bóng tối của ban đêm. 202. Nhận biết được thời điểm đã được hồi phục, Ta đã noi với người ấy điều này: "Ta yêu cau ngươi một ân huệ là ngươi chớ có nói về Ta đối với bất cứ người nào.^, 203. Sau khi đi đên thành phô, người ây vì nguyên nhân của cải đã nói ra khi được hỏi, rồi đã đưa đức vua đi đến vùng phụ cận của Ta. 204. Toàn bộ sự việc đến đâu đã được Ta tường thuật cho đức vua. Nghe được lời kể lại, đức vua đã hướng mũi tên vào người ấy [nói rằng]: "Trẫm sẽ giết chết kẻ đê tiện phản bội bạn bè ngay tại chỗ này.® 205. Trong khi bảo vệ cho người ấy, Ta đã hoán đổi [người ấy] bằng bản thân của Ta, [nói rằng:] "Tâu Đại vương, hãy để cho người ấy sống! Thần sẽ là người tạo ra lạc thú cho ngài.” 206. Ta dã bảo vệ giới của Ta. Ta đã không bảo tồn mạng sống của mình. Bởi vì, vào lúc ấy Ta đã là người có giới hạnh với lý do chỉ là vì quả vi Giác ngộ. uHạnh của con nai chúa Rum” ỉa phần thứ sáu.

7. HẠNH CỦA [ĐỨC BÒ-TÁT] MĀTAÑGA (Mãtangacarìyamý1 207. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là đạo sĩ tóc bện nghiêm trì khổ hạnh, có giới đức, định tâm bền vững, tên là Mãtañga. 208. Ta ya một vị Bà-la-môn, cả hai sống ở bên bờ sông Gañgā. Ta sống ở thượng nguồn, còn vị Bà-la-môn sống ở hạ nguồn. 209. Trong khi đi lang thang dọc theo bờ sông, vị Bà-la-môn đã nhìn thấy khu ẩn cư của Ta ở thượng nguồn. Tại nơi ấy, sau khi mắng nhiếc Ta, vị ấy đã nguyền rủa về sự vỡ tan cái đầu [của Ta].

36 Tên con sông này được ghi lại theo âm ỉa Hằng Hà. (ND) 37 Bổn sanh "An sĩ MãtañgaM (Mãtañgajātakam), số 97, TTP v, tập 33. (ND)

210. Nếu Ta nổi cơn giận dữ đối với vị này, nếu Ta không gìn giữ giới, thì sau khi nhìn vào vị ấy Ta có thể làm cho trở thành như là tro bụi. 211. Lúc bấy giờ, điều mà vị ấy nguyền rủa Ta trong lúc bị bực tức và có tâm ý xấu xa lại được áp dụng ở trên cái đầu của chính vị ấy. Ta đã giúp cho vi ấy được thoát khỏi [việc bị bể đầu thành bảy mảnh] bằng thủ thuật.38 212. Ta dã bảo vệ giới của Ta. Ta đã không bảo tồn mạng sống của mình. Bởi vì, vào lúc ấy Ta đã là người có giới hạnh với lý do chỉ là vì quả vị Giác ngộ. “Hạnh của [đức Bồ-tát| Mãtañga55 là phần thứ bảy.

8. HẠNH CỦA THIÊN TỬ DHAMMĀ (Dhammadevaputtacarìyam)3940 213. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là đại dạ-xoa tên là Dhammā, có tùy tùng đông đảo, có đại thần lực, có lòng bi mẫn đối với tất cả thế gian. 214. Trong lúc khuyến khích dân chúng hành trì thập thiện nghiệp đạo? Ta cùng với bạn bè và những người hầu cận đi đến các thôn làng phô chợ. 215. Có con dạ-xoa độc ác, bon xẻn, trong lúc giảng giải vê thập ác, nó với bạn bè và những người hầu cận cũng đi khắp trái đất này. 216. Là những người nói về

Chánh pháp và tà pháp, cả hai chúng tôi là đối thủ. Trong khi va chạm càng xe với càng xe ở lối đi ngược chiều, cả hai đối mặt nhau. 217. Cuộc xung đột giữa thiện và ác đã xảy ra một cách ghê rợn, và trận chiến đau lớn lao vì việc rời khỏi đường lộ là sắp sửa xảy ra. 218. Nếu như Ta nổi cơn giận dữ đối với gã ấy, nếu như Ta phá vỡ đức tính khổ hạnh, Ta có thể làm cho gã ấy và đoàn tùy tùng trở thành tro bụi. 219. Tuy nhiên, nhằm mục ch gìn giữ giới hạnh, Ta đã làm nguội lạnh tâm ý. Sau khi cùng với đám người bước xuống, Ta đã nhường đường cho kẻ ác. 220. Cùng lúc Ta đang rời khỏi đường lộ sau khi đã làm nguội lạnh tâm ý, trái đất ngay lập tức đã tạo ra khe nứt dành cho con dạ-xoa ác xấu. wHạnh của thiên tử Dhammā" là phần thứ tám.

9. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] ALĪNASATTA (Attnasattacariyam)^ 221. ở trong kinh thành Kampillã, thành phố tráng lệ thuộc vương quốc Pancãla, có đức vua tên Jayaddisa đã được thành tựu giới đức. 222. Là Alĩnasatta, người con trai của đức vua ấy, Ta được học tập, có giới hạnh tốt, có đức độ, luôn luôn quan tâm đến người hầu cận.

38 Đức Bồ-tát đã bảo dùng cục đất sét đặt ở trên đầu của vị Bà-la-môn rồi cho vị ấy lội xuống và đứng ở trong nước. Khi mặt trời mọc lên thì vị Bà-la-môn hụp xuống, đầu chìm ở trong nước. Còn cục đất sét (thay thế cái đầu) ở trên mặt nước đã bị mặt trời làm vỡ tan thành bảy mảnh (CpA. 159). Bon sanh "Thiên tử Dhamma^, (Dhammạiãtakam), số 457, TTPV, tập 32. (ND) 40 Bổn sanh "Vua Jayaddisa,, (Jayaddisajātakam), số 513, TTP v, tập 33. (ND)

223. Cha Ta đã đi săn thú rừng và đã đến gần bên Porisâda [kẻ ăn thịt người]. Gã ấy đã bắt giữ cha Ta, [nói rằng:] "Ngươi là thức ăn của ta, chớ có vùng vẫy." 224. Sau khi được nghe lời nói ấy của gã, đức vua đã trở nên hoảng hốt, run rẩy vì sợ hãi, cứng đờ chân cẳng khi trông thấy kẻ ăn thịt người. 225. [Đức vua đã nói rằng:] "Hãy giữ lấy con thú rừng, rồi trả tự do cho tg và đã hứa hẹn việc sẽ quay trở lại. Sau khi giao lại tài sản cho vị [quan đại thần] Bà-la-môn, cha [Ta] đã nhắn nhủ Ta rằng: 226. "Này con, hãy cai quản vương quốc. Chớ bỏ bê thành phố này. Cha đã hứa với kẻ ăn thịt người về việc sẽ quay trở lại của cha." 227. Sau khi cúi lạy mẹ cha và buông bỏ bản thân, Ta đã đặt cung kiếm xuống rồi đã đi đến gặp kẻ ăn thịt người. 228. Có lẽ gã ấy sẽ sợ hãi người đi đến có vũ khí trong tay. Khi Ta đã gây nên nỗi lo sợ, vì điều ấy giới sẽ bị hư hỏng. 229. Vì Ta có nỗi lo sợ về việc đứt giới, Ta đã không nói điều gây khó chịu đối với gã ấy. Là người nói điều lợi ích, có tâm từ ái, Ta đã nói điều này: 230. "Hãy đốt lên ngọn lửa lớn, tôi sẽ lao từ trên cây xuống. Này ông chú, ông hãy biết lúc đã được chín tới, roi ông hãy thọ thúc, 231. Như thế với việc thực hành giới là nguyên nhân, Ta đã không bảo tồn mạng sống của Ta. Và Ta đã khiến cho gã [ăn thịt người] ấy luôn luôn xa lánh việc giết hại sanh mạng. 66Hạnh của [đức Bồ-tát] Alĩnasatta^ là phần thứ chín.

10. HẠNH CỦA [ĐỨC B0-TATJ SAÑKHAPĀLA (Sañkhapālacariyam)4} 232. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là Sañkhapāla, chúa tể của loài rồng, có đại thần lực, có răng nanh41 42 là vũ khí, có nọc độc ghê gớm và có hai lưỡi. 233. ở tại ngã tư của con đường lớn có sự tụ hội của nhiều hạng người, sau khi quyết định vê bôn chi phân [của cơ thê],

Ta đã thiết lập chô cư ngụ ở tại nơi ây. 234. Đối với người nào có việc cần dùng đến da ngoài, da trong, thịt, các sợi gân, hoặc các khúc xương [ở cơ thể Ta], chính vì là vật đã được bố thí nên hãy để người ấy mang đi. 235. Có những gã vô lại thô lỗ, hung dữ, bất nhân, đã nhìn thấy và đã tiến đên gân Ta ở tại nơi áy, các bàn tay có năm gậy gộc. 236. Sau khi chọc thủng ở lỗ mũi, ở đuôi và ở xương sống lưng, những gã vô lại đã đặt Ta lên cáng rồi lôi đi. J

41 Bồn sanh "Long vương Sañkhapāla,, (Sañkhapālcyātakam)^ số 524, TTPV, tập 33. (ND) 42 Có 4 răng nanh, 2 trên 2 dưới (CpA. 175).

237. Và ở nơi ấy, với luồng gió từ lỗ mũi Ta, trong khi mong muốn Ta có thê thiêu đót trái đát có biên bao bọc, có rừng, có núi. 238. Mặc dù đang bị đâm thọc bởi những cọc nhọn, mặc dầu đang bị chặt chém bởi những con dao5 Ta cũng không tức giận những gã vô lại; đây là sự toàn hảo vê giới của Ta. 66Hạnh của [đức Bồ-tát] Saákhapãla" là phần thứ mười.

239. Con long tượng, Bhũridatta, [con rông] Campeyya, [Culla]bodhi, con trâu [chúa], [con nai chúa] Ruru, [đạo sĩ tóc bện] Mātañga, [thiên tử] Dhammā, [đức Vua] Jayaddisa và người con trai. 240. Tất cả [chín] hạnh này đều có năng lực của giới, là những phần thiết yêu, là những yêu tô góp phân [vào sự toàn hảo vê giới]; [tuy nhiên], Ta còn bảo tồn mạng sống rồi mới gìn giữ các giới. 241. [Trái lại], mạng sống của Ta khi là Sañkhapāla luôn luôn được ban phát đến bất cứ người nào; do đó, điều ấy là sự toàn hảo về giới. Dứt phần sự toàn hảo về giới.

m. sự TOÀN HẢO VÈ XUẤT LY (NEKKHAMMAPẴRAMITÃ)

1. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] YUDHAÑJAYA (YudhaỉựayacaríyamỴ3 242. Khi Ta là Hoàng tử Yudhanjaya có danh tiếng vô lượng, Ta đã động tâm sau khi nhìn thấy giọt sương mai bị tiêu tan dưới ánh nắng mặt trời.4344 243. Sau khi trầm tư về chính điều ấy, Ta đã làm cho nỗi động tâm tăng trưởng. Ta đã cúi lạy mẹ cha và xin phép xuất gia. 244. Họ cùng với các thị dân và các cư dân của xứ sở, hai tay chắp lại, thỉnh cau Ta rang: “Này con, ngay ngày hôm nay con hãy cai quản lãnh địa rộng lớn, tiến triển và thịnh vượng.,, 245. Trong khi họ, có cả đức vua, có cả phi tân, có thị dân, có cư dân của xứ sở, đang khóc lóc thảm thương, bởi vì Ta đã xuất gia, không lưu luyến. 246. Trong khi từ bỏ toàn bộ trái đất, vương quốc, quyến thuộc, người hầu -r 5

và danh vọng, Ta đã không suy nghĩ [đên điêu gì khác] với lý do chỉ là vì quả vị Giác ngộ. 247. Mẹ cha không có bị Ta ghét bỏ, danh vọng lớn lao cũng không có bị Ta ghét bỏ? đối với Ta, quả vị Toàn giác là yêu quý; vì thế Ta đã từ bỏ vương quốc. uHạnh của [đức Bồ-tát] Yudhañjaya^ là phần thứ nhất

2. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SOMANASSA (Somanassacaríyam)45 248. Vào một thời điểm khác nữa, khi ở tại kinh thành Indapatta, Ta là người con trai được mong mỏi, được yêu quý, được nổi tiếng [với tên] là Somanassa. 249. Ta là người có giới, được

thành tựu đức hạnh, có lối ứng xử lịch thiệp, CÓ sự tôn kính bậc trưởng thượng, có sự khiêm tôn và rành rẽ vê các cách tiêp độ. 250. Có gã đạo sĩ giả trá được đức vua ây yêu mên. Ong ta trông trọt rau quả hoa màu rồi sinh sống. 251. Nhận biết ông là giả trá ví như đống trấu không có hạt gạo, ví như thân cây có lỗ bọng lớn ở bên trong, ví như cây chuối không có lõi cứng. 252. Không có pháp của các bậc thiện trí ở người này. Vì lý do nuôi dưỡng

43 Bổn sanh "Thái tử Yudhahjaya" (Yudhañjayajātakani), số 460, TTP v, tập 32. (ND) 44 Do tác động của sự tưởng đến vô thường (CpA. 183). 45 Bổn sanh "Ho ng tử Somanassa,^ (Somanasscyātakam), số 505, TTP v, tập 33. (ND)

mạng sống, người này đã xa rời Sa-môn hạnh, đã từ bỏ pháp trong sạch là sự khiêm tốn. 253. Vùng biên gi&i đã bi khuấy động bởi những kẻ lâm tạc thuộc các xứ lân bang. Khi ra đi để dẹp yên việc ấy, cha [Ta] đã dạy bảo Ta rằng: 254. "Này con yêu dấu, con chớ có lơ là với vị đạo sĩ tóc bện nghiêm trì khổ hạnh. Hãy thi hành điều [vị ấy] ước muốn bởi vì vị ấy là người ban bố [cho chúng ta] mọi điều lạc thú?5 255. Ta đã đi đến phục vụ vị ấy và đã nói lời này: “Này gia chủ, ông có được an vui kh6ng?" hoặc: "Vật gì cần được mang lại cho ông?59 256. Vì thế, kẻ giả trá, chất chứa ngỗi mạn ấy đã giận dữ [nói rằng]: "Hôm nay, ta sẽ làm cho ngươi hoặc là bị giết chét, hoặc là bị trục xuất ra khỏi vương quốc?9 257. Sau khi bình định khu vực biên giới, đức vua đã nói với kẻ giả trá [ấy] rằng: "Thua ngài, ngài có được thoải mái, có được sự tôn kính khong?^ Gã xấu xa đã nói với đức vua rằng: "Hoàng tử cần phải bị trừng tri như thế.” 258. Sau khi nghe được lời nói ấy của kẻ ấy, vị chúa tể của trái đất đã ra lệnh rằng: "Hãy chém đầu ngay tại chỗ, roi phân [thây] thành bốn mảnh và cho trưng bày ở khắp các ngã đường; đó là phần số dành cho kẻ miệt thị vi đạo sĩ tóc ben?9 259. Tại nơi ấy,46 những người hành quyết độc ác, hung dữ, bất nhân đã lôi kéo Ta đang ngồi ở lòng mẹ rồi dẫn đi.46 4748 260. Ta đã nói với họ như vầy: "Hãy cấp tốc đưa Ta đã bi trói bằng gông xiềng chắc chắn đến trình diện đức vua, Ta có các việc cần làm cho đức vua." 261. Bọn họ đã đưa Ta đến gặp vị vua ác xấu là người thân cận với kẻ ác xâu. Sau khi tiêp kiên, Ta đã làm cho đức vua hiêu rõ và Ta đã tạo được uy thê cho Ta. 262. Đức vua đã yêu câu thứ lôi vê việc ây và đã trao vương quôc rộng lớn lại cho Ta. Ta đây, sau khi phá tan sự mê muội, đã xuất gia theo hạnh không nhà. 263. Vương quốc rộnệ lớn không có bi Ta ghét bỏ, sự hưởng thụ các dục không có bi Ta ghét bỏ, đoi với Ta, quả vị Toàn giác là yêu quý; vì thế Ta đã từ bỏ vương quốc. í4Hạnh của [đức Bồ-tát] Somanassaṃ là phần thứ nhỉ.

3. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] AYOGHARA (Ayogharacarìyam)^ 264. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là người con trai của đức Vua Kâsi, Ta đã lớn lên trong căn nhà bằng sắt49 và đã được gọi với tên là Ayoghara.

46 Tattha, được giải thích là: tẾVới sự ra lệnh của đức vua..." (CpA. I9l). 47 Lúc ấy, đức Bồ-tát được bảy tuổi (CpA. 189). 48 Bổn sanh uTòa nhà sắt” (Ayogharajātakarri), số 510, TTP v, tập 33. (ND) 49 Đức Bồ-tát đã được nuôi lớn lên trong ngôi nhà lớn hoàn toàn bằng sắt được xây dựng theo hình thức gian nhà hình tứ giác nhằm mục đích ngan

ngừa các tai họa do phi nhân. Hai người ailh trai của đức Bồ-tát đã bị con nữ dạ-xoa ăn thịt lúc mơi sanh ra (CpA. 195-6).

Ao .1

265. [Vua cha đã phán răng:] uNày con, mạng sông của con được tiêp nhận một cách khó khăn, được nuôi dưỡng ở nơi bực bội. Ngay chính ngày hôm nay, con hãy cai quản toàn thể trái đất này. r

266. Cùng với cư dân trong xứ sở, luôn cả phô chợ và loài người nūa?9 Sau khi đảnh lễ vị Sát-đế-lỵ, Ta đã chắp tay lên và đã nói lời này: 267. "Bát cứ chúng sanh nào ở trên trái đất, dâu kém cỏi, cao quý hoặc trung bình, lớn lên trong nhà của chính họ cùng với các thân quyến không cần sựbaovệ.^, 268. [Rồi Ta đã suy nghĩ rằng:] "Sự nuôi dưỡng này của Ta ở trong nơi bực bội là hy hữu ở trên thế gian. Ta đã được lớn lên trong căn nhà bằng sắt thiếu hẳn ánh sáng mặt trăng và mặt trời. 269. Có được tấm thân hôi thối này sau khi rời khỏi bụng mẹ, từ đó Ta lại bị ném vào căn nhà sắt khổ sở và kinh hãi hơn một lần nữa. 270. Nếu sau khi đã đạt đến khổ đau vo cùng ghê rợn như thế ấy, nếu Ta còn thích thú trong vương quyền thì Ta là kẻ tồi tệ nhất trong số những kẻ ác xấu. 271. Ta nhàm chán xác thân, Ta không mong muốn vương quyền, Ta sẽ tầm cầu sự tịch diệt Niết-bàn là nơi tử thần không thể đày đọa.^ 272. Trong lúc đó đám đông đang kêu gào, Ta đã suy nghĩ như vậy và đã đi vào khu rừng rậm, giống như con voi đã giật đứt xiềng xích. 273. Mẹ cha không có bị Ta ghét bỏ, danh vọng lớn lao cũng không có bi Ta ghét bỏ, đối với Ta, quả vi Toàn giác là yêu quý; vì thế Ta đã từ bỏ vương quốc. uHạnh của [đức Bồ-tátl Ayogharaw là phần thứ ba.

4. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] BHISA (Bhisacariyam)5Q 274. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta ở tại kinh thành của xứ Kâsi, [Ta có] một người em gái và bảy người em trai được sanh ra trong gia đình quý phái [dòng Bà-la-môn]. 275. Trong số những người này, Ta đã được sanh ra trước tiên, đạt được pháp trong sạch là sự khiêm tốn. Sau khi nhận thấy sự hiện hữu là nguy hại, Ta đã thỏa thích trong việc xuất gia. 276. Các thân hữu, được mẹ và cha nhăn đên, đông tâm mời mọc [Ta] băng các dục lạc: "Bạn hãy duy trì dòng dõi gia t0c." 277. Lời nào của những người ây được nói ra vê việc đem lại lạc thú trong cuộc sống gia đình, điều ấy đối với Ta được xem tương tợ như lưỡi cày đã được nung đỏ, thô thiển. 278. Khi ấy, họ đã hỏi Ta, kẻ từ khước [cuộc sống gia đình], về nguyện vọng của Ta: "Này bạn, nếu bạn không hưởng thụ các dục thì bạn mong muốn điều gi?”50

50 Bổn sanh “Các củ sen" (Bhisajātakam), số 488, TTP v, tập 32. (ND)

279. Là người mong muôn điêu tót đẹp, Ta đã nói với họ, những người đang tầm cầu lợi ích [cho Ta] rằng: "Tôi không mong muốn trạng thái người tại gia, tôi thỏa thích trong sự xuất ly." 280. Sau khi lắng nghe lời nói của Ta, họ đã thuật lại cho cha mẹ [Ta]. Mẹ cha Ta đã nói như vầy: uNày quý vị, tất cả chúng tôi cũng xuất gia." 28L Cả hai mẹ cha

của Ta, người em gái và bảy em trai đã buông bỏ của cải vô số rồi đi vào trong khu rừng lớn. wHạnh của [đức Bồ-tát] Bhisa" là phần thứ tư.

5. HẠNH CỦA VỊ HIÊN TRÍ SONA (Sonapanditacariyam)5X 282. Vào một thời diêm khác nữa, khi Ta sông ở thành phô Brahmavaddhana, tại nơi ấy Ta đã được sinh ra trong gia đình cao quý, ưu tú, vô cùng giàu có. 283. Khi ấy, Ta cũng đa nhận thấy thế gian là bi mù quáng, bị bao phủ bởi bóng tối. Tâm [Ta] chối từ sự hiện hữu như thể bi châm chích thô bạo bởi cây gậy nhọn. 284. Sau khi nhận thấy sự xấu xa dưới nhiều hình thức khác nhau, Ta đã suy nghĩ như vầy: "Lúc nào Ta sẽ lìa bỏ gia đình, Ta sẽ đi vào rừng?,, 285. Cũng vào khi ây, các thân quyên đã mời mọc Ta với các sự thọ hưởng e r L . r* 4 e vê dục lạc, Ta cũng đã nói cho những người ây vê ước muôn [của Ta] răng: "Xin các vị chớ có mời mọc Ta bằng những thứ ấy." 286. Em trai của Ta tên là Nandā là bậc trí tuệ. Vi ấy, trong khi học tập theo Ta, cũng đã thích thú với việc xuất gia. 287. Khi ấy, Ta Sona và Nandā cùng với cả hai cha mẹ của Ta cũng đã buông bỏ của cải vô số rồi đi vào trong khu rừng lớn. "Hạnh của vi Hiền trí Soqa" là phần thứ năm. Dứt phần sự toàn hảo về xuất ly.*

51 Bổn sanh uSona và Nandā" (Sonanandajātakam)^ số 532, TTP K tập 33. (ND)

IV Sự TOÀN HẢO VÈ QUYẾT ĐỊNH (ẠDHITTHẴNAPẴRAMITÂ)

6. HẠNH CỦA VỊ HIỀN TRÍ TEMIYA (Temiyapanditacariyam)52 288. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là người con trai của đức vua xứ Kâsi có tên là Mũgapakkha, nhưng mọi người gọi Ta là Temiya.53 289. Khi ấy, mười sáu ngàn phi tần [của đức vua] không có được một người con trai [luôn cả con gái]. Sau nhiều ngày đêm, chỉ mỗi một mình Ta đã được sanh ra. 290. [Vua] cha đã nuôi dưỡng Ta, người con trai yêu quý, đạt được một cách khó nhọc, đã được sanh ra vẹn toàn, có thân tâm sáng lạng, ở trên chiếc giường đã được che chiếc lọng màu trắng. 291 . Khi ây, trong lúc đang ngủ trên chiêc giường cao quý, Ta đã thức giác và nhìn thấy chiếc lọng nhạt màu, nghĩa là Ta sẽ bi đi địa ngục. 292. Có nỗi sợ hãi ghê gớm đã khởi lên ở Ta khi được nhìn thấy chiếc lọng. Ta đã đi đến quyết định: "Ta sẽ được thoát khỏi điều này5455bằng cách nào?5955 293. Có vị tiên nữ trước đây cùng huyết thống với Ta56 có lòng mong muốn điều tốt đẹp cho Ta, sau khi nhìn thấy bản thân Ta bị đau khổ, đã căn dặn về ba thái độ: 294. uChớ ra vẻ khôn ngoan, hãy là kẻ ngu si đôi với tát cả chúng sanh, hãy làm cho mọi người khinh khi; như thế sẽ có sự tốt đẹp cho con." 295. Khi được nói như vậy, Ta đã nói với bà ấy lời này: "Bà tiên ơi, con sẽ thực hành theo lời mà bà đã chỉ bảo. Mẹ ơi, mẹ đã có lòng mong muốn điều tốt đẹp cho con. Bà tiên ơi, bà đã có mong muốn điều lợi ích cho con.^, 296. Sau khi nghe được lời nói của bà ấy, Ta đã thọ nhận như là đã đến được đất liền ở giữa biển khơi. Mừng rỡ, với tâm ý phấn chấn, Ta đã quyết định ba điều: 297. Ta đã là người câm; điếc; què quặt, việc đi lại đã được từ bỏ. Ta đã quyêt định các điêu nay va đã song mười sau năm.

52 Bổn sanh "Hoàng tử què câm^, (Mũgapakkhạiãtakanì), số 538, TTPV, tập 34. (ND) 53 Vào ngày đức Bồ-tát được sanh ra, trời đã đổ cơn mưa xuống toàn thể vương quốc Kãsi,

nên được gọi là Temiya (được ẩm ươi) (CpA. 216-17). 54 Là thoát khỏi vương quốc xui xẻo này (CpA. 218). 55 Dịch theo kathāham imam muñcissam thay vì kadāham...? (Khi nào Ta sẽ...?) (ND) 56 Vị này ngự ở trên chiếc lọng ấy và là người mẹ ruột trong một kiếp sống trước đây (CpA. 218).

298. Do đó, họ đã xoa bóp tay chân, lưỡi và tai của Ta. Sau khi nhận thấy không có sự khiếm khuyết ở Ta, họ đã chê bai là: "Kẻ bất hạnh." 299. Sau đó, tất cả dân chúng trong xứ sở, các tướng lãnh quân đội, các viên quan tế tự, tất cả đã nhất trí bằng lòng việc truất phế. 300. Sau khi nghe ý kiến của những người ấy, Ta đây đã trở nên mừng rỡ, có tâm trí phấn chấn. Sự khổ hạnh đã được thể hiện [bởi Ta] vì mục đích nào thì mục đích ấy của Ta đã được thành công. 301. Sau khi đã tắm rửa, xức dầu, đội lên vương miện, làm lễ rưới nước [cho Ta], rồi với chiếc lọng che họ đã tiến hành việc đi nhiễu vòng quanh thành phố. 302. Sau khi đã duy trì chiếc lọng trong bảy ngày, đến lúc vầng sáng của mặt trời hiện ra, người đánh xe đã đưa Ta ra khỏi [thành phố] bằng chiếc xe ngựa rồi đi về phía khu rừng. 303. Sau khi dừng chiếc xe ở một khoảng trống, người đánh xe đã buộc ngựa để được rảnh tay rồi đã đào cái hố để chôn Ta ở trong lòng đất. 304. Trong khi nhiều nguyên nhân đủ các loại đang đe dọa điều quyết tâm đã được khẳng đinh, Ta đã không làm đổ vỡ việc tuân thủ đã được quyết định với lý do chỉ là vì quả vị Giác ngộ. 305. Mẹ cha không có bi Ta ghét bỏ? bản thân cũng không có bi Ta ghét bỏ, đối với Ta, quả vị Toàn giác là yêu quý; vì thế Ta đã quyết đinh việc tuân thủ. 306. Sau khi quyêt đinh các điêu này, Ta đã sông trong mười sáu năm. Không có ai băng [Ta] vê sự quyêt đinh, điêu này là sự toàn hảo vê quyêt định của Ta. uHạnh của [đức Bồ-tát] Temiya55 là phần thứ sáu. Dứt phần sự toàn hảo về quyết đinh.

V sự TOÀN HẢO VÈ CHÂN THẬT (SACCAPĀRAMITĀ)

7. HẠNH CỦA CON KHỈ CHÚA (Kapūâịacaríyam)51 307. Vào lúc Ta là con khỉ sống trong hang ở bờ sông, Ta đã bị đe dọa bởi con cá sấu nên không đạt được việc ra đi. 308. Tại địa điểm Ta thường đứng ở bờ bên này rồi nhảy qua bờ bên kia, tại chỗ ấy có con cá sấu là kẻ thù, là kẻ sát thủ, có dáng vóc hung tợn. 309. Con cá sấu đã thong báo với Ta rằng: "Cứ việc đi đến." Ta đã nói với nó rằng: "Tôi đang đi đến", rồi đã bước lên đầu của nó và đã đứng vững bờ bên kia. 310. Điều đã được nói với con cá sấu không phải là không đúng sự thật [vì] Ta đã hành động đúng theo lời nói. Không có ai bằng [Ta] về sự chân thật, điều này là sự toàn hảo về chân thật của Ta. uHạnh của con khỉ Chua99 là phần thứ bảy.

8. HẠNH CỦA ĐẠO sĩ SACCA (Saccatāpasacariyam) 311. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là đạo sĩ khổ hạnh tên gọi Sacca. Ta đã hộ trì thế gian bằng sự chân thật; Ta đã làm cho mọi người hợp nhất. wHạnh của đạo sĩ Saccaṃ là phần thứ tám.

9. HẠNH CỦA CHIM CÚT CON (Vattapotakacariyam)^ 312. Vào một thời điểm khác nữa, khi ở tại Magadha, Ta là con chim cút con, cánh chưa được mọc, còn non nớt, [như] là miếng thịt ở trong tổ. 313. [Chim] mẹ tha [môi] lại trong mỏ và nuôi dưỡng Ta. Ta sông

còn do sự tiếp xúc với chim mẹ; Ta không có sức mạnh ở thân. 314. Trong năm vào mùa nóng, có nạn cháy rừng bộc phát. Ngọn lửa cuộn khói đen tiến về hướng chúng tôi. 315. Ngọn lửa lớn lao trong lúc gào thét đã tạo ra luồng khói này cuộn khói nọ. Trong khi lần lượt làm phát cháy, ngọn lửa đã tiến đến gần Ta. 316. Lo sợ vì sự ô ạt của ngọn lửa, mẹ cha của Ta trở nên kinh hãi, hoảng hốt, đã bỏ rơi Ta lại ở trong tổ và đã giải thoát cho bản thân.57 58

57 Bổn sanh “Khi chiía" (Vānarindajātakarn), số 57, TTP v, tập 32. (ND) 58 Bổn sanh "Chim cút con,> (Vattakajatakani), số 35, TTP v. tập 32. (ND)

317. Ta đã ra sức hai chân, hai cánh; Ta không có sức mạnh ở thân. Ta đây không đi được. Khi đó, tại nơi ấy, Ta đã suy nghĩ như vầy: 318. "Bj kinh hãi, hoảng hốt, run sợ, Ta có thể chạy đến gần cha mẹ, nhưng họ đã bỏ rơi Ta và tẩu thoát. Ta nên hành động như thế nào ngày hôm nay? 319. Đức hạnh của giới, sự chân thật, sự trong sạch, lòng bi mẫn hiện hữu ở trên đời; với sự chân thật ấy, Ta có thể hiện hành động chân thật tối thắng/5 320. Ta đã hướng về sức mạnh của giáo pháp, tưởng nhớ đến các đấng Chiến Thắng5960 trước đây, và nương tựa vào sức mạnh của sự chân thật, Ta đã 61 thể hiện hành động chân thật rằng: 321. "C6 cánh không thể bay, có chân không thể đi. Mẹ cha đã lìa khỏi, lửa ơi hãy lui di.“ 322. Với sự chân thật đã được thực hiện bởi Ta, ngọn lửa cháy rực to lớn đã lùi trở lại mười sáu karīsaṃ ệiống như ngọn lửa đã gặp phải nước. Không có ai bằng [Ta] về sự chân thật, điêu này là sự toàn hảo ve chân thật của Ta. ÍÉHạnh của chim cút con” là phần thứ chín.

10. HẠNH CỦA VUA CÁ (Maccharậịacaríyam)6ì 323. Vào một thời diêm khác nữa, khi Ta là vua của loài cá ở trong cái hô rộng lớn. Và nước ở trong hồ bị khô cạn vào mùa nắng, dưới sự đốt cháy của ánh mặt trời. 324. Do đó, các con quạ, các con diều hâu, các con cò, các con chim ưng và chim ó đã đáp xuống, ăn các con cá ban ngày lẫn ban đêm.62 325. Tại nơi ấy, cùng với các thân quyến Ta đã bị áp bức, và Ta đã suy nghĩ như vầy: "Vậy thì bằng cách nào để Ta có thể giải thoát cho thân quyến khỏi khổ đau?" ” ’

326. Sau khi xem xét ý nghĩa của các pháp, Ta đã nhận ra sự chân thật là nơi nương tựa. Căn cứ vào sự chân thật, Ta đã cởi bỏ thảm họa bị diệt chủng ấy cho các thân quyến. 327. Sau khi hồi tưởng về thiện pháp, Ta đã suy nghiệm về chân lý tuyệt đối. Ta đã thể hiện hành động chân thật là pháp bền vững và thường còn ở thế gian rằng: 328. ẾÍKể từ lúc Ta nhớ được về bản than, kể từ khi Ta đạt đến sự hiểu biết, Ta không biết đến việc đã cố ý hãm hại dầu chỉ một sanh mạng.63 Do lời nói chân thật này, xin Thân mây64 hãy đô mưa xuông.

59 Jina (đấng Chiến Thắng) cũng là danh hiệu tôn kính chỉ cho đức Phật. 60 KarTsa là đơn vị đo diện tích. 61 Bổn sanh “Con '(Macchajātakam). số 75, TTPV, tập 32. (ND) 62 Lúc này, hồ đã bị cạn nước, các con cá nằm trong các bãi bùn rải rác đó đây (CpA. 237). 63 Dịch theo câu văn Pãịi ở phần cước chú. (ND) 64 Dịch theo Chủ giải: ... pajjuno megho abhivassatu (CpA. 238).

329. Hỡi Thần mây, hãy vang lên tiếng sấm, hãy làm tiêu tan kho lương dự trữ của loài quạ,65 hãy vây hãm loài quạ bằng sự buôn rầu, hãy giải thoát loài cá khỏi nỗi phiên muộn?5 330. Đồng lúc với sự chân thật cao quý được thể hiện, Thần mây đã gầm lên tiếng sấm và trong giây lát đã đổ mưa xuống, làm tràn ngập vùng đất liền và trũng thấp. 331. Sau khi thể hiện sự tinh tấn tột đỉnh là pháp chân thật cao quý có hình thức như thế, [có sự] tin cậy vào năng lực và uy quyền của sự chân thật, Ta đã làm cho đám mây lớn đổ mưa xuống. Không có ai bằng [Ta] về sự chân thật, điều này là sự toàn hảo về chân thật của Ta. ^Hạnh của vua cáw là phần thứ mười.

11. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] KANHADĪPĀYANA (Kanhadīpāyanacariyamf6 332. Vào một thời điểm khác nữa, khi là vị ẩn sĩ Kanhadīpāyana, Ta đã sống không được hoan hỷ hơn năm mươi năm. 333. Không ai biết tâm ý không hoan hỷ này của Ta. Ta đã không nói ra với ai cả và sự không hoan hỷ diễn tiến ở trong tâm ý của Ta. 334. Bà-la-môn Mandabya, bạn của Ta, là một vị đại ẩn sĩ đã bị thọ lãnh [hành phạt] cắm cọc nhọn do trả quả của nghiệp quá khứ,65 67 66 335. Ta đã chăm sóc và đã phục hồi sức khỏe cho vị ây. Sau khi cáo từ, Ta đã trở về lại chốn ẩn cư của mình. 336. Người bạn Bà-la-môn của Ta đã đưa vợ và đứa con trai nhỏ đến. Ba người cùng đi và đã đi đến với tư thế của những người khách. 337. Trong lúc Ta đang ngôi tại chôn ân cư của mình chuyện trò với những người ấy, đứa bé trai đã ném trái banh và làm cho con rắn có nọc độc giận dữ. 338. Sau đó, trong lúc dõi theo lộ trình di chuyển của trái banh, đứa bé trai ấy đã chạm bàn tay vào đầu của con rắn độc. 339. Do sự đụng chạm của đứa bé, con rắn đã trở nên giận dữ. Ỷ lại vào sức mạnh của nọc độc, bị bực bội với sự bực bội cùng tột, con rắn ngay lập tức đã cắn đứa bé. 340. Khi bị cắn bởi con rắn độc, đứa bé đã ngã xuống ở trên nền đất. Vì điều ấy9 Ta đã trở nên đau buồn; nỗi buồn đau ấy đã tác động đến Ta. 341. Sau khi an ủi họ [là những người] đang bị đau khổ, đang bị mũi tên sầu muộn, Ta đã thể hiện hành động chân thật tột đỉnh cao quý tối thượng lần đầu tiên rằng:

65 Kho lương dự trữ ám chỉ đến các con cá đang vướng trong bùn. Nếu trời đổ mưa làm đầy nước trong hồ thì kho lương dự trữ của loài quạ sẽ bị tiêu tan (CpA. 238-39). 66 Bổn sanh uẨn sĩ Kanhadīpāyana,9 {Kanhadīpāyanajātakarn), số 444, TTP v, tập 32. (ND) 67 Trong thời quá khứ, tiền thân vị này đã dùng một mảnh gỗ mun đâm xuyên qua con ruồi (CpA. 243).

HẠNH TẠNG 763

342. "Là người mong mỏi phước thiện, Ta đã thực hành Phạm hạnh với tâm tín thành chỉ được bảy ngày. Từ đó về sau, Phạm hạnh của Ta là năm mươi năm và thêm nữa. 343. Ta thực hành [Phạm hạnh] không có nhiệt tình, chỉ qua ngày. Do lời nói chân thật này, hãy có được sự tốt lành, chất độc hãy được tiêu trừ và Yaññadatta6869hãy s6g." 344. Với sự chân thật của Ta đã được thể hiện, đứa bé Bà-la-môn bi run rẩy bởi sức mạnh của nọc độc đã được tỉnh lại, đã đứng lên, không tật bệnh. Không có ai bằng [Ta] về sự chân thật, điều này là sự toàn hảo về chân thật của Ta. “Hạnh của [đức Bồ-tát] Kanhadīpāyana" là phần thứ mười một

12. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SUTASOMA (Sutasomacariyam)^ 345. Vào một thời điểm khác nữa, khi Ta là đức Vua Sutasoma. Bị bắt giữ bởi Porisâda [kẻ ăn thịt người], Ta đã nhớ lại lời hứa với vị Bà-la-môn. 346. Sau khi xỏ dây ở lòng bàn tay của một trăm vị Sát-đế-lỵ rồi [treo lên] phơi khô họ, kẻ ấy đã đưa Ta đi nhằm mục đích tế thần. 347. Kẻ ăn thịt người đã hỏi Ta rằng: “C6 phải ngài mong muốn việc cởi trói? Ta sẽ làm theo ý thích của ngài nếu ngài còn quay trở lại.” 348. Vào lúc ấy, sau khi đã hứa hẹn đối với câu hỏi của kẻ [ăn thịt người] ấy về việc trở lại của Ta, Ta đã đi đến thành phố tráng lệ và đã chối từ vương quốc. 349. Sau khi tưởng nhớ đến Chánh pháp đã được thực hành bởi các đấng Chiến Thắng thời quá khứ, Ta đã trao lại tài sản cho vị Bà-la-môn và đã đi đến gặp kẻ ăn thịt người. 350. Trong trường hợp ấy, không có sự phân vân ở Ta về việc kẻ ấy sẽ giết hay không [giết]. Trong khi bảo vệ lời nói chân thật, Ta đã đi đến để buông bỏ mạng sông. Không có ai băng [Ta] vê sự chân thật, điêu này là sự toàn hảo vê chân thật của Ta. uHạnh của [đức Bồ-tát] Sutasoma" là phần thứ mười hai. Dứt phần sự toàn hảo về chân thật.

68 Tên của đứa bé trai (CpA. 245). 69 Bổn sanh "Bại Sutasoma,, {Mahāsutasomajātakarri), số 537, TTP v, tập 33. (ND)

VI. SựTOÀN HẢO VÈ TỪ ÁI (METTĀ PÃRAMITÃ)

13. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] SUVANNASĀMA (Suvannasāmacariyamy^ 351 . Vào lúc Ta là Sāmā ở trong khu rừng đã được [Chúa trời] Sakkā hóa hiện ra. ở trong khu rừng lớn, Ta đã rải tâm từ ái đến các loài sư tử và cọp. 352. Ta đã sống ở trong khu rừng, được quây quần xung quanh bởi các loài sư tử, cọp, beo, gâu, trâu rừng, nai đôm và heo rừng. 353. Không loài thú nào e ngại Ta, Ta cũng không sợ hãi loài thú nào. Lúc bấy giờ, được duy trì nhờ vào năng lực từ ái, Ta hứng thú ở trong khu rừng lớn. 64Hạnh của [đức Bồ-tát] Suvaasma” là phần thứ mười ba.

14. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] EKARĀJA (Ekarậịacaríyam)^ 354. Vào một thơi điểm khác nữa, khi Ta được nổi tiếng [với tên] là Ekarāja. Ta đã phát nguyện về giới hạnh tối cao và đã cai quản trái đất to lớn.7072 71 355. Ta đã thực hành về thập thiện nghiệp đạo không thiếu sót. Ta đã thâu phục đám đông dân chúng bằng bốn phép tiếp độ. 356. Trong lúc Ta đang tinh tấn như thế vì lợi ích ở đời này và thế giới khác, Dabbasena73 đã tiến đến chiếm cứ thành phố của Ta. 357. Sau khi thực hiện việc thâu tóm tất cả gồm có nhân sự của đức vua, các thị dân, cùng với quân đội và các cư dân của xứ s&, [vị áy] đã chôn Ta ở trong cái hô. 358. [Vị ấy] đã chiếm đoạt quần thần, vương quốc thịnh vượng và hậu cung của Ta. Ta đã nhìn thấy chính đứa con trai yêu dấu đang bị bắt đi. Không có ai bằng [Ta] về từ ái, điều này là sự toàn hảo về từ ái của Ta. 66Hạnh của [đức Bồ-tát] Ekāj a” là phần thứ mười bốn. Dứt phần sự toàn hảo về từ ái

70 Bồn sanh "sma" (Sãmạiãtakarn), số 540, TTPV, tập 34. (ND) 71 Bổn sanh "Vua Ekarậịa" (Ekarājcyātakani), số 303, TTP v, tập 32. (ND) 72 Đã cai quản vùng đất rộng lớn ở vương quốc Kâsi 300 do-tuần (CpA. 264). 73 Dabbasena là đức vua xứ Kosala (CpA, 264).

HẠNH TẠNG 765

vn. sự TOÀN HẢO VỀ HÀNH XẢ (UPEKKHẢPÂRAMITÂ)

15. HẠNH CỦA [ĐỨC BỒ-TÁT] MAHĀLOMAHAMSA (Mahālomahamsacariyam)14 _ r

359. Ta năm ở trong bãi tha ma tựa vào bộ xirơng người chét. Đám trẻ con nhà quê đã đi đến và đã phô diễn hình thức [khuấy roi] không phải là ít. 360. Các đứa khác mừng rỡ, với tâm trí phân chân, mang lại các quà tặng là hương thơm, vòng hoa và vô số thực phẩm các loại. 361. Ta đều bình đẳng đối với tất cả những ai gây ra khổ đau cho Ta cũng như những ai đem lại cho Ta an lạc; thương và giận đều không được biết đến. 362. Là thăng bằng giữa an lạc và khổ đau, giữa các danh thơm và nhữnẹ tiếng xấu, Ta đều bình đang trong mọi trường hợp; điều này là sự toàn hảo ve hành xả của Ta. 66Hạnh của [đức Bồ-tát] Mahālomahamsa" là phần thứ mười lăm. Dứt phần sự toàn hảo về hành xả.

BÀI KỆ TÓM TẮT •

363. Chuyện Yudhañjaya, chuyện Somanassaṃ chuyện Ayoghara [ngôi nhà sắt], chuyện Bhisa, chuyện Sona và Nanda, chuyện Mūgapakkha [Temiya], chuyện con khỉ chúa và chuyện vị [đạo sĩ] tên Sacca. 364. Chuyện chim cút con, chuyện vua cá, chuyện ẩn sĩ Kanhadīpāyana, lại nữa Ta đã là Sutasoma, Sāmā, và Ekarājā, và đã có sự toàn hảo về hành xả; như thế đã được thuyết giảng bởi vị Đại Ẩn Sĩ. 365. Sau khi kinh nghiệm khổ đau dưới nhiều hình thức và thành công với nhiêu thê loại ở lân tái sanh này đên lân tái sanh khác như thê, Ta đã đạt đên quả vi Toàn giác tối thượng. 366. Sau khi bô thí những gì cân được bô thí, sau khi làm viên mãn giới hạnh không thiếu sót, sau khi đạt đến sự toàn hảo về xuất ly, Ta đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng. 367. Sau khi đã vấn hỏi các bậc hiền trí, sau khi đã thể hiện sự tinh tấn tối thượng, sau khi đã đạt đến sự toàn hảo về nhẫn nại, Ta đã đạt đến quả vị Toàn giác toi thượng.* 74 Có thể liên quan đến Bổn sanh "Rởn I6ng" (Lomahamsqjātakam), số 94, TTPV, tập 32. (ND)

766 KINH TIỂU BÔ

368. Sau khi đã thực hành sự quyêt định vững chác, sau khi đã hộ trì lời nói chân thật, sau khi đã đạt đên sự toàn hảo vê từ ái, Ta đã đạt đên quả vị Toàn giác tối thượng. 369. Đối với lợi lộc và không lợi lộc, đối với danh thơm và tiếng xấu, đối với sự kính trọng và chê bai, sau khi đã là bình đang trong mọi trường hợp, Ta đã đạt đên quả vị Toàn giác tôi thượng. 370. Sau khi thấy được sự biếng nhác là nguy hiểm và việc khởi sự tinh tấn là an toàn, hãy nô lực tinh tân; đây là lời giáo huân của chư Phật. 371 . Sau khi thấy được sự tranh cãi là nguy hiểm và sự không tranh cãi là an toàn, hãy hợp nhát, thân thiện; đây là lời giáo huân của chư Phật. 372. Sau khi thấy được sự dể đuôi là nguy hiểm và sự không dể đuôi là an toàn, hãy tu tập đạo lộ tám chi phần; đây là lời giáo huấn của chư Phật.75 Phẩm Yudhañjaya là thứ ba.

ở đây, trong khi trình bày về phẩm hạnh quá khứ của bản thân, đức Thế Tôn đã thuyết giảng về bản thể của giáo pháp có tên là Buddhāpadāniyam.76 HẠNH TẠNG ĐƯỢC ĐÀY ĐỦ.

75 Câu kệ 372 không có ở tạng Tích Lan, nhưng được thấy ở tạng Thái Lan, Miến Điện, PTS: Pamādam bhayato disvā, appamādañca khemato bhāvethatthañgikam maggam esā buddhānusāsanī. 76 Buddhāpadāniyam là đề tài được thuyết giảng, là đề tài được trình bày có liên quan đến công hạnh khó làm thuộc thơi xa xưa, nghĩa là việc làm qiia khứ của chư Phật (CpA. 335).

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.